TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/6/2019
"V/v ly hôn và nuôi con, cấp dưỡng nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Lâm Tấn Đạt**.

2- Bà **Phạm Thị Lan.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thúy Kiều**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 60/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc: "Ly hôn, yêu cầu nuôi con, cấp dưỡng nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1990.

- Bị đơn: Anh **Lê Văn Đ**, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Ấp XL A, xã T A, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/12/2017 nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị P và anh Đ tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào ngày 24/02/2009 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 11/10/2011. Chị P và anh Đ chung sống hạnh phúc cho đến khoảng 02 năm gần đây vợ

chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân do anh Đ khắt khe, nhiều lần ghen tuông, đánh chị. Sự việc nhiều lần được gia đình hai bên khuyên can thì anh Đ hứa sửa đổi nên vợ chồng chị tiếp tục chung sống cho đến ngày 11/3/2019 thì vợ chồng chị chính thức ly thân với nhau cụ thể là do vợ chồng tiếp tục xảy ra cự cãi thì chị P bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, khi chị đi anh Đ không cho chị mang con theo. Cũng trong ngày hôm đó anh Đ lên nhà mẹ chị lấy của chị 01 chỉ vàng 24k và nói ngày hôm sau sẽ giải quyết dứt khoát với chị. Anh Đ không dẫn con về cho chị thăm nom vì buồn nên chị đi lên thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, biết được sự việc anh Đ điện thoại nói chị ngoại tình và kêu cha, mẹ chị kêu chị về nhà để giải quyết. Hai bên gia đình động viên hàn gắn, nhưng anh Đ quá khắt khe, ghen tuông, anh Đ và mẹ anh Đ nói từ khi về chung sống với anh Đ chị không có đóng góp gì cho gia đình, không lo lắng cho mẹ chồng.

Từ đó, chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh Đ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ có 02 người con chung tên Lê Vỹ K, sinh ngày 13/8/2011, giới tính nam và Lê Như Y, sinh ngày 29/9/2015, giới tính nữ. Các con đang sống với anh Đ. Chị đồng ý khi ly hôn để anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của anh Đ, cấp dưỡng cho 02 người con chung, mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng quý.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị yêu cầu được tự thỏa thuận với anh Đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn Đ trình bày:

-Về hôn nhân: Anh thống nhất về thời gian tổ chức lễ cưới và thời gian đăng ký kết hôn đúng như chị P trình bày, tuy nhiên về mâu thuẫn hôn nhân hoàn toàn không đúng như những lời của vợ anh trình bày. Anh cho rằng nguyên nhân vợ chồng cự cãi là vào ngày 10/02/2019 âm lịch, vào buổi sáng anh đi gài rập về thì hai bên cự cãi vụ cái cân, chị P giận bỏ nhà mẹ ruột, ngày hôm đó Vỹ K con anh bị bệnh nên anh điện thoại cho vợ anh hay nhưng chị P không quan tâm đến con. Khi đi về nhà cha mẹ ruột vợ anh mang theo toàn bộ số tiền khoảng 2.500.000 đồng, 01 đôi bông tai vàng 18k, 01 sợi dây chuyền vàng 18k (09 phân), 01 chỉ vàng 24k. Anh có lên gặp chị P lấy 01 chỉ vàng 24k để lo cho con. Khoảng 03 giờ ngày 12/3/2019 cháu Vỹ K bị sốt, anh có điện thoại báo cho chị P nhưng không gặp, sau đó mới biết là chị P đi làm ở thành phố vào chiều ngày 12/3/2019. Ngày 18/02/2019, chị P điện thoại về trách móc nói sống

với anh không có tương lai nên chị P bỏ đi. Ngày 20/02/2019 anh điện thoại kêu chị P về nhưng chị P nói không về, cũng không cho biết nơi ở. Bản thân anh còn thương chị P nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh xác nhận trong thời gian chung sống, anh và chị P có 02 người con chung tên Lê Vỹ K, sinh ngày 13/8/2011, giới tính nam và Lê Như Y, sinh ngày 29/9/2015, giới tính nữ. Các con đang sống với anh.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị P ly hôn thì đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và thống nhất mức cấp dưỡng cho 02 người con chung, mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng quý như chị P đưa ra.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh thống nhất với ý kiến của chị P là để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được HĐXX động viên, thuyết phục chị P hàn gắn, đoàn tụ gia đình để vợ chồng cùng chăm lo cho các con nhưng chị P vẫn cương quyết xin ly hôn, anh Đ yêu cầu được đoàn tụ.

Đối với cháu Lê Vỹ K thể nhiện nguyện vọng là muốn sinh sống cùng với cha, khi cha mẹ không còn chugn sống với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Lê Văn Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T A, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 108 do chị P cung cấp nên hôn nhân của chị P và anh Đ là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, qua lời trình bày của chị Đ cho thấy tình cảm của vợ chồng do sự thiếu tin tưởng, tôn trọng nhau trong quan hệ vợ chồng, làm cho cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc thường hay cự cãi, dẫn đến xúc phạm lẫn nhau.

Mặc dù, đã được gia đình hai bên động viên hòa giải nhiều lần nhưng không cải thiện được quan hệ tình cảm vợ chồng và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như

tại phiên tòa hôm nay chị P cương quyết xin ly hôn với anh Đ.Qua biên bản xác minh ở địa phương cho thấy rằng tình cảm vợ chồng của chị P và anh Đ thường hay xảy cự cải với nhau, từ đó chị P bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P xử cho chị Nguyễn Thị P và anh Lê Văn Đ ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị P và anh Đ xác đình trong thời gian vợ chồng chung sống thì có Lê Vỹ K, sinh ngày 13/8/2011, giới tính nam và Lê Như Y, sinh ngày 29/9/2015, giới tính nữ. Hiện các cháu đang sinh sống cùng với anh Đ.

Chị P và anh Đ thống nhất thỏa thuận là khi ly hôn sẽ giao các con cho anh Đ nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, ý kiến của cháu Khang muốn sinh sống cùng với cha, khi cha mẹ không còn sống chung.

Vì vậy, HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của chị P, anh Đ là giao các cháu Lê Vỹ K, sinh ngày 13/8/2011 và Lê Như Y, sinh ngày 29/9/2015 cho anh Đ nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp theo nguyện vọng của cháu Khang. Bản thân anh Đ có đủ điều kiện để chăm lo cho các con.

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị P và anh Đ về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng quý, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản và nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị P và anh Đ là để vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên HĐXX không đề cập xem xét. Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị P phải chịu ly hôn là 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ do chị và anh Đ thống nhất thỏa thuận trước mở phiên tòa, tổng số tiền án phí chị P phải nộp là 450.000đ (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo lai thu số 000912 ngày 09/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị P và anh Lê Văn Đ được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Vỹ K, sinh ngày 13/8/2011 và Lê Như Y, sinh ngày 29/9/2015 cho anh Lê Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Chị Nguyễn Thị P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng mỗi người con là 1.000.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng quý, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị P có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị P và anh Đ có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: HĐXX không đề cập xem xét. Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị P phải chịu l1y hôn là 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ do chị và anh Đ thống nhất thỏa thuận trước mở phiên tòa, tổng số tiền án phí chị P phải nộp là 450.000đ (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo lai thu số theo lai thu số 000912 ngày 09/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị P còn phải tiếp tục nộp số tiền tạm ứng án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị P và anh Đ biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/6/2019).

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện;*
- *THADS huyện;*
- *UBND xã T A;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lư Quốc Thịnh